

Bản án số: 38/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2018
V/v: Tranh chấp, xin ly hôn
Giữa chị L với anh S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư

2. Ông Lê Đức Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Thịnh- kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2017/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp, Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/ 2017/ QĐXXST- HNGĐ ngày 13/12/2017 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số 056, ấp Nhon Phú, xã Nhon Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn S, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương L đề ngày 14/09/2017, thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị L với anh S yêu nhau được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày

càng lớn, đến năm 2014 thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được, do đó chị L xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Theo chị L trong thời gian sống chung chị với anh S có với nhau một đứa con chung tên Ngô Quốc P, sinh ngày 10/4/2009, hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Theo chị L thì hai người không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Nợ chung: Theo chị L thì hai người không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh S vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến phát biểu của đại diện VKS: Về tố tụng, thẩm phán đã thực hiện đúng kể từ khi thụ lý vụ án, thẩm phán ra thông báo thụ lý và thông báo hòa giải, các đương sự tự khai, tiến hành xác minh, tổng đạt cho các đương sự đầy đủ. Ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa HĐXX gồm có 01 thẩm phán làm chủ trì, 02 hội thẩm nhân dân, 01 thư ký ghi biên bản, Thẩm phán đã làm thủ tục đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX tuyên không công nhận giữa chị L với anh S là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi của chị Nguyễn Thị Phương L đề ngày 14/9/2017 xin ly hôn với anh Ngô Văn S vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Theo biên bản xác minh ngày 11/12/2017 thì anh S thường hay đi làm ăn xa rồi về, anh S không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 06 tháng. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Chị L với anh S yêu nhau được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng lớn, đến năm 2014 thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được, do đó chị L xin được ly hôn với anh S;

Qua trình bày của chị L cho thấy, khi chị L với anh S tổ chức lễ cưới thì hai người đã đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng do chị L với anh S không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị L với anh S không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, HĐXX nghĩ nên tuyên không công nhận giữa chị L với anh S là vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về con chung: Theo chị L trong thời gian sống chung chị với anh S có với nhau một đứa con chung tên Ngô Quốc P, sinh ngày 10/4/2009, hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con (hiện cháu P đang sống với chị L). Nguyên vọng cháu P cũng muốn được sống với mẹ, sự yêu cầu này của chị L là có cơ sở và phù hợp với thực tế nên được HĐXX chấp nhận nghĩ nên giao cháu P cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng và công nhận việc chị L tự nguyện nuôi con mà không yêu cầu anh S cấp dưỡng là hợp lý. “ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh S có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”;

[5]. Về tài sản và nợ chung: Theo chị Nguyễn Thị Phương L trình bày vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết trong bản án này. Sau này nếu anh S cho rằng giữa anh với chị L có tài sản và nợ chung trong thời gian chung sống thì anh S vẫn có quyền khởi kiện chị L ra Tòa án để yêu cầu giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật;

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương L là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chị L được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012526 ngày 02/10/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, 81, 82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận giữa chị Nguyễn Thị Phương L với anh Ngô Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu tên Ngô Quốc P, sinh ngày 10/4/2009 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng và công nhận việc chị L nuôi con mà không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. “ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh S có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu giữa hai người có tranh chấp với nhau về tài sản và nợ trong thời gian chung sống thì anh S vẫn có quyền khởi kiện chị L yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật;

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chị L được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012526 ngày 02/10/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị L có quyền kháng cáo. Riêng anh S vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo trong hạn trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- THA thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Minh